

Số: /SYT-KHTC  
V/v hợp nhất hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới/ nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực y tế.

Ninh Bình, ngày tháng 6 năm 2024

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ Tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, Bộ Tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-BYT ngày 05/6/2024 của Bộ Y tế ban hành văn bản hợp nhất về hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao cấp xã, huyện và tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh về việc quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh về việc quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh về việc quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh về việc quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Văn bản số 2251/BTNMT-KSONMT ngày 09/4/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hợp nhất hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao cấp xã, huyện và các tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Sở Y tế hợp nhất hướng dẫn triển khai thực hiện và hoàn thiện hồ sơ chứng minh một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

## I. CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ

### 1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới

TT tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Vai trò của Sở Y tế tại VB 166/UBND-VP3 ngày 26/4/2022; Văn bản 556/UBND-VP3 ngày 09/12/2023 của UBND tỉnh
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Chủ trì
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 16,5\%$	
		15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và	$\geq 90\%$	

TT tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Vai trò của Sở Y tế tại VB 166/UBND-VP3 ngày 26/4/2022; Văn bản 556/UBND-VP3 ngày 09/12/2023 của UBND tỉnh
		đảm bảo 3 sạch		
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	

## 2. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

TT tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Vai trò của Sở Y tế theo phân công của UBND tỉnh tại VB 166/UBND-VP3 ngày 26/4/2022
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Chủ trì
		14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	
		14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	
		14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	
18	Chất lượng môi trường sống	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	

## 3. Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

TT tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Vai trò của Sở Y tế theo phân công của UBND tỉnh tại VB 166/UBND-VP3 ngày 26/4/2022
-------------	--------------	-------------------	----------	---

5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Chủ trì
8	Chất lượng môi trường sống	8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

#### 4. Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

TT tiêu chí	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Vai trò của Sở Y tế theo phân công của UBND tỉnh tại VB 166/UBND-VP3 ngày 26/4/2022
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Chủ trì
8	Chất lượng môi trường sống	8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	

## II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU

### 1. Hướng dẫn thực hiện:

- Các chỉ tiêu do Sở Y tế chủ trì: thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định 1531/QĐ-BYT ngày 05/6/2024 của Bộ Y tế.

- Các chỉ tiêu do Sở Y tế phối hợp: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ngành hoặc Sở, ngành được giao chủ trì chỉ tiêu, tiêu chí.

### 2. Hướng dẫn đánh giá và chuẩn bị hồ sơ:

a. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: Phụ lục 1.

b. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Phụ lục 2.

c. Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới: Phụ lục 3.

d. Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao: Phụ lục 4.

Ngoài hồ sơ chứng minh tiêu chí tại các Phụ lục, đối với các xã, huyện đề nghị xác nhận đạt các tiêu chí cần có các hồ sơ kèm theo như sau:

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao: Báo cáo kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí y tế trong Bộ Tiêu chí nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (*tham khảo đề cương gửi kèm tại Phụ lục 5*);

Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong tiêu chí y tế thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới (*có mẫu Bảng tổng hợp gửi kèm tại Phụ lục 5.1*).

- Huyện nông thôn mới nâng cao: Báo cáo của các xã về việc xây dựng/duy trì xã đạt Tiêu chí y tế trong Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao (*ở thời điểm huyện đề nghị xác nhận đạt nông thôn mới nâng cao*); Bản sao Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao của các xã; Báo cáo của huyện về quá trình, kết quả xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao về lĩnh vực y tế (*tham khảo đề cương gửi kèm tại Phụ lục 6*); Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí y tế của từng đơn vị hành chính trực thuộc tại Phụ lục 6.1; Quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế:** Chủ trì hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 15.2 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới), Tiêu chí 5.1 (Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới); phối hợp phòng Nghiệp vụ Y hướng dẫn Tiêu chí số 15.4 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới), Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao).

**2. Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế:** Chủ trì hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 15.1, 15.4 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới); Tiêu chí 14 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao); Tiêu chí 5.1 (Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao).

**3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật:** Chủ trì hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 15.3, 17.7, 17.8 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới); Tiêu chí 18.7 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao). Xác nhận việc đạt Tiêu chí 15.3 cho các xã đề nghị.

**4. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm:** Chủ trì hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 17.10 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới); Tiêu chí 18.4, 18.5 (Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao); Tiêu chí 8.5 (Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới); Tiêu chí 8.6, 8.8 (Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao)

#### **5. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố:**

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Trạm Y tế xã rà soát, đánh giá thực trạng các chỉ tiêu y tế trong các Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao hàng năm, làm cơ sở giao chỉ tiêu phần đầu phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của địa phương;

- Hướng dẫn cách thức thống kê số liệu, hoàn thiện hồ sơ chứng minh việc đạt các chỉ tiêu/tiêu chí theo quy định;

- Phối hợp Phòng Y tế các huyện, thành phố thẩm định kết quả thực hiện của các xã đề nghị công nhận đạt tiêu chí y tế trong các Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao;

- Phối hợp với UBND/Phòng Y tế huyện, thành phố hoàn thiện các tiêu chí y tế trong Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao.

#### **6. Bệnh viện đa khoa các huyện Nho Quan, Kim Sơn:**

- Cung cấp các hồ sơ chứng minh chỉ tiêu 5.1 (Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới) của bệnh viện và các phòng khám đa khoa khu vực trực thuộc cho Phòng Y tế/Trung tâm Y tế huyện cùng địa bàn.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện tiêu chí y tế trong Bộ Tiêu chí xã, huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Sở Y tế đề nghị các đơn vị có liên quan nghiên cứu, triển khai và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc theo phân công đảm bảo hiệu quả, đúng quy định. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, báo cáo về Sở Y tế (*thông qua Phòng Kế hoạch – Tài chính*) để phối hợp giải quyết, tháo gỡ./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
  - VPĐP NTM tỉnh (để b/c);
  - TT KSBT
  - Chi cục ATVSTP
  - Phòng Nghiệp vụ Y
  - BVĐK các huyện
  - Lãnh đạo Sở Y tế;
  - Lưu: VT, KHTC.
- (Ng/36)
- (để thực hiện);

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Ngô Ngọc Quang**

**PHỤ LỤC I**  
**Hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới**  
**giai đoạn 2021-2025**

<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Phương pháp xác định</b>	<b>Hồ sơ chứng minh</b>
<b>Y tế</b>	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Thống kê số người có thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn xã trong một thời gian xác định.	- Danh sách người có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn xã. - Văn bản xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về số lượng, tỷ lệ người tham gia ( <i>tổng số và chia theo giới tính</i> ) bảo hiểm y tế trong một thời gian xác định.
	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Kiểm tra Quyết định công nhận/Văn bản xác nhận xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.	- Quyết định công nhận của UBND tỉnh/Văn bản xác nhận của Sở Y tế.
	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	Thống kê số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi tại một thời điểm nhất định.	- Danh sách trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn xã tại một thời điểm và danh sách trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể thấp còi) tại thời điểm đó. - Xác nhận kết quả cân đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi của Trung tâm Y tế huyện, thành phố và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.
	15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử <sup>1</sup>	- Kiểm tra văn bản triển khai thực hiện. - Kiểm tra việc cài đặt và sử dụng phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử; kỹ năng sử dụng của cán bộ; - Quan sát, kiểm tra cơ sở hạ tầng phục vụ thực hiện	<b>Đến tháng 12 năm 2024:</b> - Văn bản triển khai thực hiện của xã; - Báo cáo cơ sở hạ tầng của xã để triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử ( <i>nêu trong báo cáo xã về kết quả xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao</i> ); - Phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử ( <i>có tài khoản và dữ liệu</i> ) hoặc báo cáo của UBND/Công an xã về kết quả tạo lập tài khoản trên ứng dụng VNeID;

<sup>1</sup> Theo Công văn 3191/BYT-KCB ngày 25/5/2023 của Bộ Y tế: Sổ khám chữa bệnh điện tử có thể hiểu là Sổ sức khỏe điện tử của doanh nghiệp (tại Ninh Bình là phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp với phần mềm Y tế cơ sở) hoặc ứng dụng VNeID của Bộ Công an (có tính năng Sổ sức khỏe điện tử - được Bộ Y tế quy định tại Quyết định số 1332/QĐ-BYT ngày 21/5/2024).

Để có định nghĩa chính xác về ứng dụng, phần mềm thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử, Sở Y tế sẽ có văn bản hỏi Bộ Y tế, trong trường hợp không đồng nhất với cách hiểu nêu trên, Sở Y tế sẽ có văn bản hướng dẫn thay thế nội dung nêu trên.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Phương pháp xác định	Hồ sơ chứng minh
		sổ khám chữa bệnh điện tử - Kiểm tra các hồ sơ, tài liệu chứng minh việc triển khai các hoạt động theo quy định của Bộ Y tế:	- Việc xây dựng phương án kết nối: Sở Y tế đã triển khai trên toàn tỉnh <sup>2</sup> . <b>Đến tháng 12/2025: Sở Y tế sẽ có văn bản hướng dẫn sau.</b>
Môi trường và an toàn thực phẩm	17.7. Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Trang 15-17 của Hướng dẫn kèm theo Văn bản số 2251/BTNMT-KSONMT ngày 09/4/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo).	Theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Điểm 4, Khoản II, Mục 3, Chương I, Trang 10-12).
	17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch		
	17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm		

<sup>2</sup> Sở Y tế đã ban hành các văn bản triển khai có nội dung yêu cầu các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ nhằm chuẩn bị phương án kết nối như: tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 08/7/2021 triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; ban hành Kế hoạch số 106/KH-SYT ngày 15/9/2021 triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trong ngành Y tế tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025; Công văn số 334/SYT-KHTC ngày 22/02/2024 về việc tuyên truyền tập huấn sử dụng VNeID; Công văn số 1384/SYT-NVY ngày 07/6/2024 về việc triển khai áp dụng Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên VNeID; Công văn số 71/SYT-NVY ngày 10/01/2024 về việc triển khai hoạt động khám, chữa bệnh từ xa. Sở Y tế cũng đã phối hợp với VNPT Ninh Bình tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng và kết nối liên thông dữ liệu phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay.



## PHỤ LỤC 2

### Hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Phương pháp xác định	Hồ sơ chứng minh
Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Thống kê số người có thẻ (BHYT) trên địa bàn xã trong một thời gian xác định.	- Danh sách người có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn xã. - Văn bản xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về số lượng, tỷ lệ người tham gia ( <i>tổng số và chia theo giới tính</i> ) bảo hiểm y tế trong một thời gian xác định.
	14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Như hướng dẫn tại Chỉ tiêu 15.4 tại Phụ lục I	Như hướng dẫn tại Chỉ tiêu 15.4 tại Phụ lục I
	14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa		
	14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử		
Chất lượng môi trường sống	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	Theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Điểm 4, 5 Khoản II, Mục 4, Chương II, Trang 31-32).	
	18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã		
	18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	Như hướng dẫn thực hiện Chỉ tiêu 17.8 Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới tại Phụ lục I	

### PHỤ LỤC 3

#### Hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Phương pháp xác định	Hồ sơ chứng minh
Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Thăm định mức độ đạt tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng của các cơ sở y tế trên địa bàn: Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa khu vực (nếu có) và Trạm Y tế tuyến xã	Sơ đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng, bản vẽ thiết kế của các cơ sở y tế: Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa khu vực (nếu có) và Trạm Y tế tuyến xã.
Chất lượng môi trường sống	8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Điểm 3, Khoản II, Mục 5, Chương III, Trang 42-44).	

**PHỤ LỤC 4**  
**Hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới  
nâng cao giai đoạn 2021-2025**

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Phương pháp xác định	Hồ sơ chứng minh
Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Thống kê số người có thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn huyện trong một thời gian xác định.	Văn bản xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về số lượng, tỷ lệ người tham gia ( <i>tổng số và chia theo giới tính</i> ) bảo hiểm y tế trong một thời gian xác định.
Chất lượng môi trường sống	8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Theo Quyết định số 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Điểm 4, 6, Khoản II, Mục 4, Chương IV, Trang 52-53).	
	8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện		

## **PHỤ LỤC 5**

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

#### **Kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí y tế trong Bộ Tiêu chí xã đạt/duy trì chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

(Nêu khái quát, đặc điểm tình hình của xã: vị trí địa lý, diện tích, dân số, đặc điểm dân cư: nghề nghiệp, văn hóa, ...; các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; tình hình xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao của xã).

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH** (Tóm tắt quá trình chỉ đạo, điều hành việc xây dựng xã đạt tiêu chí y tế trong Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 của xã, liệt kê các văn bản chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện của Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân/UBND xã).

**III. QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU** (Với mỗi nội dung cụ thể nêu quá trình xây dựng, kết quả đạt được; làm nổi bật các nỗ lực của xã trong việc đạt được các yêu cầu của tiêu chí)

#### **Đối với xã nông thôn mới:**

1. Xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (CÓ BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪNG TIÊU CHÍ tại Phụ lục 5.1)

2. Việc thực hiện chỉ tiêu: “Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) không quá 16,5%”

3. Việc thực hiện chỉ tiêu: “Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt tối thiểu 90%”

4. Việc thực hiện chỉ tiêu: “Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử”.

5. Việc thực hiện các chỉ tiêu về môi trường và an toàn thực phẩm (17.7, 17.8 và 17.10)

#### **Đối với xã nông thôn mới nâng cao:**

Nêu khái quát về việc đạt và duy trì Bộ tiêu chí xã nông thôn mới (*Năm được công nhận, sau khi công nhận xã đã có giải pháp duy trì Bộ tiêu chí như thế nào*).

1. Việc thực hiện chỉ tiêu: “Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt tối thiểu 95%”

2. Việc thực hiện chỉ tiêu: “Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử”

3. Việc thực hiện chỉ tiêu: “Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa”

4. Việc thực hiện chỉ tiêu: “Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử”

5. Việc thực hiện các chỉ tiêu về chất lượng môi trường sống (18.4, 18.5 và 18.7)

#### **IV. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
2. Khó khăn trong quá trình xây dựng và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Đề xuất, kiến nghị để giải quyết các tồn tại, hạn chế

#### **V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

**PHỤ LỤC 5.1.**  
**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI/NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

**Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới:**

Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Kết quả	Hồ sơ chứng minh
<b>Tiêu chí 15:</b>			
15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%		
15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt		
15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤16,5%		
15.4. Xã triển khai thực hiện số khám chữa bệnh điện tử	Đạt		
<b>Tiêu chí 17:</b>			
17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		
17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%		
17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		

**Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:**

Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Kết quả	Hồ sơ chứng minh
<b>Tiêu chí 14:</b>			
14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%		
14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt		
14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt		
14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử	Đạt		
<b>Tiêu chí 18:</b>			
18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%		
18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không		
18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%		

**PHỤ LỤC 6. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Kết quả rà soát, xây dựng huyện đạt nông thôn mới nâng cao giai đoạn**  
**2021-2025**

**I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

(Nêu khái quát, đặc điểm tình hình của huyện: vị trí địa lý, diện tích, dân số, đặc điểm dân cư: nghề nghiệp, văn hóa, ...; tình hình xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao của huyện; các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn; tình hình thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện (*khái quát về các cơ sở y tế, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu y tế của huyện, ...*).

Khái quát chung về quá trình và kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện.

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH** (Tóm tắt quá trình chỉ đạo, điều hành việc xây dựng huyện đạt tiêu chí y tế trong Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, liệt kê các văn bản chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện).

**III. QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP NHẪM ĐẠT BỘ TIÊU CHÍ LĨNH VỰC Y TẾ** (*có thể căn cứ theo các nội dung giao Bộ Y tế chủ trì tại Quyết định 1531/QĐ-BYT – Mục II*)

**IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ**

1. Rà soát việc đáp ứng tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định 307/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh; Quyết định 1531/QĐ-BYT ngày 05/6/2024 của Bộ Y tế, trong đó nêu cụ thể việc đáp ứng các tiêu chí sau:

**Tiêu chí tuyến xã:**

- Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 lĩnh vực y tế);
- Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 lĩnh vực y tế);
- Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

**Tiêu chí tuyến huyện:**

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn;
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

2. Kết quả xây dựng đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh; Quyết định 1531/QĐ-BYT ngày 05/6/2024 của Bộ Y tế:

- Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025);

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt trên 95%;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%;

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện.

*(Kèm theo bảng tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí tuyến huyện tại Phụ lục 6.1).*

## **V. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

6. Khó khăn trong quá trình xây dựng và nguyên nhân

7. Bài học kinh nghiệm

8. Đề xuất, kiến nghị để giải quyết các tồn tại, hạn chế

## **VI. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN**



**PHỤ LỤC 6.1.**  
**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG HUYỆN ĐẠT CHUẨN**  
**NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**I. Rà soát đạt tiêu chí huyện nông thôn mới:**

**1. Tiêu chí đối với tuyến xã trong Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

Yêu cầu	Kết quả rà soát đến thời điểm báo cáo ( <i>chi tiết tại Phụ lục 6.1.1</i> )	Kết luận
Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới ( <i>đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 lĩnh vực y tế</i> )		
Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ( <i>đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 lĩnh vực y tế</i> )		

**2. Tiêu chí huyện trong Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Kết quả rà soát đến thời điểm báo cáo	Kết luận
Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Theo Quyết định 1531/QĐ-BYT của Bộ Y tế, Trung tâm Y tế huyện (bao gồm cả Trạm Y tế xã và Phòng khám đa khoa khu vực) đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng phải đáp ứng 05 điều kiện: về mặt bằng tổng thể (1), về các phòng chức năng (2), về cấp độ công trình (3), về đảm bảo vệ sinh môi trường (4) và các điều kiện khác (5).	<i>Đánh giá chi tiết theo mẫu tại Phụ lục 6.1.1.2</i>	
Chất lượng môi trường sống	8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%		

**II. Kết quả đánh giá đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao**

**1. Tiêu chí đối với tuyến xã trong Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025**

Yêu cầu	Kết quả rà soát đến thời điểm báo cáo ( <i>với mỗi xã đạt thì phải đảm bảo đạt đồng thời khi tất cả các chỉ tiêu trong tiêu chí</i> ) – <i>chi tiết tại Phụ lục 6.1.2</i>	Kết luận
Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ( <i>đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 lĩnh vực y tế</i> )		

**2. Tiêu chí huyện trong Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025**

<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Kết quả rà soát đến thời điểm báo cáo</b>	<b>Kết luận</b>
Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 95% trở lên	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế của huyện là: , trong đó: nam:, nữ.	
Chất lượng môi trường sống	8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%		
	8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện		

**PHỤ LỤC 6.1.1**  
**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT KẾT QUẢ XÂY DỰNG HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI (TIÊU CHÍ TUYẾN XÃ)**

TT	Tên xã	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$	15.2. Xã đạt Tiêu chí quốc gia về Y tế *	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 16,5\%$	15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	17.7. Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%	17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 90\%$	17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP đạt 100%
1								
2								
3								
...								
<b>Tổng số xã đạt</b>								
<b>Tỷ lệ xã đạt</b>								

\* Áp dụng theo Bộ Tiêu chí QG về y tế giai đoạn đến năm 2030, đánh giá chi tiết theo Phụ lục 6.1.1.1

**PHỤ LỤC 6.1.2.**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT KẾT QUẢ XÂY DỰNG HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 (TIÊU CHÍ TUYẾN XÃ)**

<b>Chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao</b>	<b>Xã ...</b>	<b>Xã ...</b>		<b>Tổng số xã đạt</b>	<b>Tỷ lệ xã đạt</b>
14.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$					
14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử					
14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa					
14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử					
18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%					
18.5. Không để xảy ra sự cố về ATTP trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã					
18.7 Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo ba sạch 100%					

**PHỤ LỤC 6.1.1.1.**  
**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XÃ ĐẠT BỘ TCQG VỀ Y TẾ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030**

Nội dung	Điểm chuẩn	Xã tự đánh giá	Điểm thẩm định của huyện
<b>Tiêu chí 1. Chỉ đạo, điều hành công tác CSSK</b>	<b>14</b>		
1. Xã có Ban chỉ đạo CSSK nhân dân, hoạt động thường xuyên.	1		
2. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, công tác dân số được đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy hoặc kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm của xã; các đoàn thể chính trị-xã hội và nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động CSSK.	4		
3. Y tế xã có xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về các hoạt động y tế của xã.	1		
4. TYT xã có đủ sổ, mẫu báo cáo thống kê theo quy định (bao gồm ứng dụng CNTT); báo cáo số liệu thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác; có các biểu đồ, bảng số liệu thống kê cập nhật về tình hình hoạt động.	2		
5. TYT xã được cấp đủ và kịp thời kinh phí chi thường xuyên; quản lý tài chính theo quy định.	3		
6. Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT.	3		
<b>Tiêu chí 2. Nhân lực y tế</b>	<b>10</b>		
7. Đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của TYT được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành.	4		
8. Có bác sỹ làm việc tại TYT xã.	2		

Nội dung	Điểm chuẩn	Xã tự đánh giá	Điểm thẩm định của huyện
9. Mỗi tổ, thôn, bản, ấp đều có NVYT, CTV dân số được đào tạo hoạt động; đối với thôn, bản ấp thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo.	2		
10. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ TYT xã, nhân viên y tế thôn bản và các loại hình nhân viên y tế hưởng phụ cấp khác.	2		
<b>Tiêu chí 3. Cơ sở hạ tầng TYT xã</b>	<b>12</b>		
11. TYT xã ở gần đường trục giao thông của xã, hoặc ở khu vực trung tâm xã để người dân dễ tiếp cận.	1		
12. Diện tích mặt bằng và diện tích xây dựng của TYT xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu CSSK nhân dân.	2		
13. TYT xã được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế trạm y tế cơ sở và tiêu chuẩn ngành; đảm bảo đủ số lượng và diện tích của các phòng để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.	3		
14. Công trình chính của TYT xã được xếp hạng từ cấp III trở lên.	2		
15. TYT xã có nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định.	2		
16. Có đủ hạ tầng kỹ thuật và khối phụ trợ.	2		
<b>Tiêu chí 4. Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác</b>	<b>9</b>		
17. TYT xã đảm bảo có đủ TTB để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp.	3		

Nội dung	Điểm chuẩn	Xã tự đánh giá	Điểm thẩm định của huyện
18. Tại TYT xã có đủ thuốc chữa bệnh, thuốc chống sốt và thuốc cấp cứu thông thường; quản lý thuốc theo đúng quy định.	4		
19. Trang thiết bị được duy tu, bảo dưỡng định kỳ; trang thiết bị khi bị hư hỏng được sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.	1		
20. TYT xã có tủ sách với 15 đầu sách chuyên môn trở lên.	1		
<b>Tiêu chí 5. YTDP, Phòng, chống HIV/AIDS VSMT và ATTP</b>	<b>19</b>		
21. Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng	4		
22. Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống bệnh không lây nhiễm	8		
23. Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	2		
24. Triển khai tốt các hoạt động đảm bảo ATTP; không chế kịp thời các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn do xã phụ trách.	3		
25. Triển khai thực hiện tốt các hoạt động phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn xã.	2		
<b>Tiêu chí 6. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và YHCT</b>	<b>12</b>		
26. TYT xã có khả năng để thực hiện $\geq 80\%$ các dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; bảo đảm thực hiện sơ cứu, cấp cứu thông thường theo đúng quy định của Bộ Y tế.	4		
27. TYT xã có vườn thuốc nam mẫu hoặc bộ tranh cây thuốc mẫu; thực hiện khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (hoặc kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại) cho $\geq 30\%$ số bệnh nhân đến KCB tại TYT xã.	2		

<b>Nội dung</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Xã tự đánh giá</b>	<b>Điểm thẩm định của huyện</b>
28. Quản lý và chăm sóc sức khỏe người khuyết tật tại cộng đồng.	1		
29. Quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn.	4		
30. Thực hiện xử trí ban đầu kịp thời các trường hợp bệnh, tai nạn thương tích đến khám tại TYT xã; chuyển lên tuyến trên kịp thời những trường hợp ngoài khả năng chuyên môn của TYT xã.	1		
<b>Tiêu chí 7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em</b>	<b>6</b>		
31. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ và được tiêm phòng uốn ván đầy đủ.	2		
32. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	1		
33. Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh.	1		
34. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế.	1		
35. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	1		
<b>Tiêu chí 8. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</b>	<b>11</b>		
36. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại.	2		
37. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm.	2		
38. Tỷ lệ sinh phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên đối với các tỉnh, thành phố thuộc vùng có mức sinh cao	1		
39. Tỷ lệ phụ nữ sinh đủ 02 con đối với các tỉnh, thành phố thuộc vùng có mức sinh thấp	1		
40. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2		
41. Xã có triển khai hoặc phối hợp tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	1		
42. Tư vấn về tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh, trước sinh	1		
43. Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân	1		



Nội dung	Điểm chuẩn	Xã tự đánh giá	Điểm thẩm định của huyện
<b>Tiêu chí 9. Truyền thông - Giáo dục sức khỏe</b>	<b>3</b>		
44. TYT xã có đủ các phương tiện truyền thông theo quy định.	1		
45. Triển khai tốt các hoạt động thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn xã.	2		
<b>Tiêu chí 10. Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	<b>4</b>		
46. Số cán bộ sử dụng thành thạo máy tính	1		
47. Mức độ ứng dụng các phần mềm hiện có phục vụ công tác KCB, quản lý số liệu và trích xuất thông tin, báo cáo	3		
<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>		
<b>Tự đánh giá (Đạt/ chưa đạt):</b>			

**PHỤ LỤC 6.1.1.2**  
**ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 5.1**

Nội dung	Tiêu chuẩn	Thực tế	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Giải trình lý do đánh giá
<b>Về mặt bằng tổng thể</b>				
Vị trí khu đất xây dựng của từng đơn vị thuộc Trung tâm	Vị trí khu đất xây dựng của từng đơn vị thuộc Trung tâm phải phù hợp với quy hoạch được duyệt, có giao thông thuận lợi			
Đối với đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực	Đối với đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có), tiêu chí về khu đất xây dựng và mặt bằng tổng thể tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về Phòng khám đa khoa khu vực (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012)			
Vị trí xây dựng và diện tích khu đất xây dựng đối với đơn vị Trạm y tế xã	Vị trí xây dựng và diện tích khu đất xây dựng đối với đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.			
<b>Về các khoa phòng chức năng</b>				
Số lượng khoa phòng chức năng	Có số lượng khoa phòng chức năng phù hợp với quy mô hoạt động của Trung tâm. Các khoa phòng chức và các khoa chuyên môn phải tuân thủ theo Thông tư số 07/2012/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			

Nội dung	Tiêu chuẩn	Thực tế	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Giải trình lý do đánh giá
Diện tích các phòng lãnh đạo, các phòng chức năng	Diện tích các phòng lãnh đạo, các phòng chức năng thuộc Trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4601:2012 công sở cơ quan hành chính nhà nước			
Diện tích các phòng trong các khoa chuyên môn	Diện tích các phòng trong các khoa chuyên môn (tùy theo nhiệm vụ và quy mô của khoa) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện quận, huyện (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012) và tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện đa khoa (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012).			
Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực	Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012 thiết kế bệnh viện quận, huyện.			
Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn	Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã			
<b>Cấp độ công trình</b>	Cấp độ công trình hạng mục nhà chính từ cấp III trở lên, các hạng mục phụ trợ từ cấp IV trở lên, xác định cấp công trình theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.			
<b>Về đảm bảo vệ sinh môi trường</b>				

Nội dung	Tiêu chuẩn	Thực tế	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Giải trình lý do đánh giá
	- Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định.			
	- Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định			
	- Có phương án hoặc giải pháp cách ly giữa khu có nguy cơ lây nhiễm (nếu có) với các khu khác của Trung tâm.			
<b>Các điều kiện khác</b>	Có hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước sạch theo quy định.			